

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Số : 011901/2019/QĐ-CT

(V/v: *Phí dịch vụ Thẩm định giá của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Việt Nam*)

- Căn cứ Luật giá Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 20/06/2012;
- Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
- Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
- Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành mức thu phí dịch vụ thẩm định giá đối với tài sản thẩm định giá là Bất động sản và Động sản cho các cơ quan Thi hành án dân sự, Tòa án nhân dân và Các tài sản liên quan đến việc tranh chấp dân sự khác, được áp dụng từ ngày 01/01/2019.

Điều 2. Giải thích từ ngữ :

- Bất động sản bao gồm đất và các tài sản gắn liền với đất.
- Động sản là những tài sản di dời được, là những tài sản không phải là bất động sản.

Điều 3. Mức thu phí dịch vụ thẩm định giá

3.1. Quy định của pháp luật về giá dịch vụ thẩm định giá:

- Tại điểm b khoản 1 Điều 42 Mục 3 Chương IV của Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 quy định về quyền của doanh nghiệp thẩm định giá:

"Nhận thù lao dịch vụ thẩm định giá theo giá thỏa thuận với khách hàng đã ghi trong hợp đồng;"

- Tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Giá về Thẩm định giá về giá dịch vụ thẩm định giá:

"Giá dịch vụ thẩm định giá được xác định theo sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng thẩm định giá."

3.2. Giá dịch vụ thẩm định giá:

- Căn cứ vào danh mục tài sản thẩm định giá, thời gian triển khai thực hiện công tác thẩm định giá và quy định của pháp luật về giá dịch vụ thẩm định giá, Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Việt Nam thông báo mức thu phí dịch vụ thẩm định giá được căn cứ vào bảng tính tỉ lệ giá của loại hình dịch vụ thẩm định giá tương ứng trong các phụ lục đính kèm.

- Mức thu phí thẩm định giá được tính bằng tổng giá trị tài sản thẩm định nhân với tỉ lệ tương ứng trong bảng tỉ lệ giá dịch vụ thẩm định giá nhân với thuế suất GTGT (10%) theo quy định của Nhà nước.

$$\text{Mức thu phí dịch vụ thẩm định giá} = \frac{\text{Giá trị tài sản thẩm định}}{\text{thẩm định}} \times \text{Tỉ lệ để thu phí (phụ lục 1 \& 2)} \times (1 + \text{Thuế suất GTGT})$$

Điều 4. Đối với tài sản thanh lý, mức thu phí thẩm định giá được tính theo nguyên giá tài sản thẩm định nhân với tỉ lệ tương ứng trong bảng tỉ lệ giá dịch vụ thẩm định giá nhân với thuế suất GTGT (10%) theo quy định của Nhà nước (trường hợp không xác định được nguyên giá tài sản thẩm định thì mức thu phí theo thỏa thuận).

Điều 5. Mức thu phí dịch vụ thẩm định giá đối với tài sản tái thẩm định

Trường hợp hồ sơ tái thẩm định (lần 2) mà chứng thư còn (hoặc không còn) trong thời hạn (06 tháng kể từ ngày phát hành chứng thư) thì mức thu phí dịch vụ thẩm định giá bằng 60% phí lần đầu.

Điều 6. Một số quy định chung:

6.1. Tài sản yêu cầu thẩm định giá phải có giấy tờ pháp lý hợp lệ

6.2. Khách hàng phải hướng dẫn chonhân viên thẩm định giá của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Việt Nam vị trí và hiện trạng của tài sản cần thẩm định.

6.3. Khi thẩm định hiện trạng tài sản ở xa, phát sinh chi phí nhiều, công ty có thể thỏa thuận với khách hàng về chi phí đi lại, ăn ở ... trong quá trình thẩm định giá.

6.4. Đối với kết quả thẩm định giá mà giá trị tài sản được tính bằng vàng hoặc bằng ngoại tệ thì Công ty chúng tôi sẽ căn cứ tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – MB Bank và Công ty TNHH một thành viên vàng bạc đá quý Sài Gòn – SJC tại thời điểm định giá để quy đổi về VNĐ để tính mức phí thẩm định.

Điều 7. Giám đốc Công ty và các Phòng ban trong Công ty có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Noinhận:

- Quý khách hàng
- Như điều 7
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THẨM
ĐỊNH VIỆT NAM**

Phụ lục 1

QUI ĐỊNH MỨC THU TIỀN DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN GIÁ CHO CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, TÒA ÁN, CÁC VỤ VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP DÂN SỰ ...

(Kèm theo quyết định số: 011901/2019/QĐ-CT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Việt Nam)

STT	Địa điểm thẩm định giá	Giá trị BDS (VNĐ)	Phí thẩm định giá	Phí khảo sát hiện trạng/ BDS
1	Tài sản tại nội thành Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng	1 -> 200.000.000	2,0%	
		200.000.001 -> 500.000.000	1,5%	
		500.000.001 -> 1.000.000.000	1,0%	
		1.000.000.001 -> 5.000.000.000	0,8%	
		5.000.000.001 -> 10.000.000.000	0,6%	
		10.000.000.001 -> 20.000.000.000	0,5%	
		20.000.000.001 -> 50.000.000.000	0,4%	
		50.000.000.001 -> 100.000.000.000	0,3%	
		100.000.000.001 -> 200.000.000.000	0,2%	
		>200 tỷ	Thỏa thuận	Thỏa thuận
2	Tài sản tại các huyện ngoại thành Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và các thành phố trực thuộc tỉnh, có khoảng cách với Hà Nội, TP HCM <100km	1 -> 200.000.000	2,0%	300.000
		200.000.001 -> 500.000.000	1,5%	300.000
		500.000.001 -> 1.000.000.000	1,0%	300.000
		1.000.000.001 -> 2.000.000.000	0,9%	300.000
		2.000.000.001 -> 5.000.000.000	0,8%	300.000
		5.000.000.001 -> 10.000.000.000	0,7%	300.000
		10.000.000.000 -> 15.000.000.000	0,6%	300.000
		15.000.000.000 -> 20.000.000.000	0,5%	300.000
		20.000.000.000 -> 50.000.000.000		300.000
		>50 tỷ	Thỏa thuận	Thỏa thuận
3	Tài sản tại các huyện, thị xã ngoại thành, cách trung tâm thành phố trực thuộc tỉnh, các thành phố trực thuộc Trung Ương <100km	< 500 tr	5.000.000	500.000
		500 -> 1 tỷ	7.000.000	500.000
		1 tỷ -> 1,5 tỷ	9.000.000	500.000
		1,5 tỷ -> 2 tỷ	12.000.000	500.000
		2 tỷ -> 5 tỷ	15.000.000	500.000
		> 5 tỷ	Thỏa thuận	Thỏa thuận

STT	Địa điểm thẩm định giá	Giá trị BDS (VNĐ)	Phí thẩm định giá	Phí khảo sát hiện trạng/ BDS
4	Tài sản tại các huyện, thị xã cách trung tâm thành phố trực thuộc tỉnh, các thành phố trực thuộc Trung Ương >100km			Thỏa thuận

- ❖ Giá trên chưa bao gồm 10% V.A.T và các chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết khiếu nại, khiếu kiện về kết quả thẩm định giá.
- ❖ Công ty sẽ cung cấp cho khách hàng 02 (hai) Chứng thư thẩm định giá bằng tiếng Việt.
- ❖ Khách hàng yêu cầu thẩm định giá phải là chủ sở hữu hợp pháp hoặc được ủy quyền của chủ sở hữu tài sản. Tài sản yêu cầu thẩm định giá phải có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ.
- ❖ Khách hàng yêu cầu thẩm định giá có trách nhiệm hướng dẫn khảo sát hiện trạng tài sản.
- ❖ Quý Khách hàng vui lòng thanh toán phí khảo sát thực tế ngay lần khảo sát thực tế đầu tiên. Thanh toán tiền phí thẩm định giá khi nhận Chứng thư thẩm định giá.
- ❖ Bảng giá có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Bảng giá trước đây.